

## Về ảnh hưởng của thanh thiếu niên đến Con Công - Nghệ An

Âng Thị Minh Lý

Hà Nội

**Tóm tắt:** Nghiên cứu về ảnh hưởng của thanh thiếu niên đến môi trường sống và sức khỏe cộng đồng ở vùng nông thôn Nghệ An. Bài viết phân tích thực trạng và nguyên nhân của vấn đề này, đề xuất các giải pháp nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực của thanh thiếu niên đến môi trường sống và sức khỏe cộng đồng. Kết quả cho thấy sự phát triển của thanh thiếu niên ở vùng nông thôn Nghệ An đang diễn ra nhanh chóng, nhưng vẫn còn nhiều hạn chế, đặc biệt là về kiến thức, kỹ năng và ý thức bảo vệ môi trường sống và sức khỏe cộng đồng. Nguyên nhân của vấn đề này có thể do nhiều yếu tố, bao gồm: trình độ học vấn thấp, thiếu thông tin, thiếu kỹ năng sống, thiếu ý thức bảo vệ môi trường sống và sức khỏe cộng đồng. Tuy nhiên, bên cạnh những hạn chế, thanh thiếu niên ở vùng nông thôn Nghệ An cũng có những ưu điểm, như: năng lực học tập tốt, ý thức phấn đấu vươn lên, có tinh thần trách nhiệm và lòng nhân ái. Vì vậy, cần có những giải pháp đồng bộ để phát huy những ưu điểm và khắc phục những hạn chế của thanh thiếu niên ở vùng nông thôn Nghệ An, góp phần xây dựng môi trường sống và sức khỏe cộng đồng ngày càng tốt đẹp.

**Từ khóa:** Thanh thiếu niên; Thanh thiếu niên DTTS; Nguồn nhân lực DTTS

### 1. Giới thiệu

Trong những năm gần đây, nguồn nhân lực đã trở thành một trong những khái niệm được sử dụng thường xuyên trong các khoa học về phát triển cũng như trong các chiến lược phát triển. Nguồn nhân lực là thuật

ngữ để chỉ nguồn lực về con người. Nguồn lực ở đây có ý nghĩa như một thứ tài nguyên, một vốn quý, một giá trị đối với sự phát triển. Bởi vậy, bản thân khái niệm con người không hoàn toàn đồng nghĩa với khái niệm nguồn nhân lực. Con người chỉ có nghĩa là nguồn lực trong trường hợp nó mang ý nghĩa là một động lực, một sức mạnh đối với sự phát triển và sáng tạo (Nguyễn Hữu Dũng, 2003).

Là một bộ phận cấu thành của nguồn nhân lực trẻ quốc gia, nguồn nhân lực trẻ các dân tộc thiểu số tuy chiếm số lượng nhỏ nhưng vô cùng quan trọng. Bởi vì đây là nguồn nhân lực chủ lực trong phát triển kinh tế - xã hội ở vùng sâu và vùng dân tộc thiểu số, góp phần vào việc thu hẹp khoảng cách bất bình đẳng kinh tế - xã hội với các vùng, miền khác nhau trong phạm vi cả nước. Bài viết này sử dụng dữ liệu từ cuộc điều tra về thực trạng phát triển nguồn nhân lực trẻ các dân tộc thiểu số do tác giả tiến hành tháng 11 năm 2005 tại huyện Con Cuông - tỉnh Nghệ An. Cuộc điều tra sử dụng phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên hệ thống, kết hợp cả phương pháp nghiên cứu định lượng và định tính. Phỏng vấn bằng hỏi với cỡ mẫu là 502 thanh thiếu niên từ 11 đến 30 tuổi, trong đó nam chiếm 45,9%, nữ chiếm 54% và 20 phỏng vấn sâu. Mục đích của nghiên cứu này là nhằm để đánh giá thực trạng phát triển nguồn nhân lực trẻ các dân tộc thiểu số tại huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An, từ đó đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trẻ các dân tộc thiểu số.

## 2. Bối cảnh kinh tế - xã hội của nguồn nhân lực trẻ các dân tộc thiểu số ở huyện Con Cuông

Nghệ An là một tỉnh nằm ở Đông Bắc dãy Trường Sơn, địa hình đa dạng, phức tạp và bị chia cắt bởi hệ thống đồi núi, sông suối. Dân số trung bình năm 2005 là 2.858.748 người, với 35 dân tộc anh em sinh sống trên 19 huyện, thành phố, thị xã. Dân tộc thiểu số chiếm 13% dân số toàn tỉnh (381.175 người). Nguồn nhân lực trẻ từ 11-30 tuổi là 303.532 người, trong đó nam chiếm 51,6%, nữ chiếm 48,4% (chiếm 79% dân tộc thiểu số toàn tỉnh) (Ủy ban nhân dân huyện Con Cuông, 2005).

Con Cuông là huyện núi cao nằm ở phía Tây Nam của tỉnh Nghệ An. Trong những năm gần đây, đầu tư của nhà nước cho việc phát triển kinh tế - xã hội ở miền núi và đồng bào các DTTS ngày càng tăng. Chính việc tăng cường các hoạt động đầu tư phát triển của Nhà nước và những nỗ lực vượt bậc của cán bộ, thanh niên và đồng bào các dân tộc mà kinh tế - xã hội ở nhiều xã trong huyện đã có những biến đổi đáng kể. Các hộ có đời sống khá giả đã bước đầu tăng lên, góp phần nâng cao sức khỏe và thể chất của các đồng bào dân tộc trong đó có thanh thiếu niên. Nhưng về cơ bản

Con Cuông vẫn còn là huyện nghèo, nền kinh tế đang ở giai đoạn chuyển từ tự cung tự cấp sang sản xuất hàng hoá. Tỷ lệ nghèo đói trên toàn huyện còn cao 20,57% (ở đầu năm 2005) so với mức chung của tỉnh 15,3%) (Ủy ban nhân dân huyện Con Cuông, 2005). Nội lực kinh tế chưa đủ mạnh để tạo nguồn lực phát triển lâu dài. Kết quả điều tra ở Con Cuông năm 2005 cho thấy mức sống các gia đình dân tộc thiểu số như sau: nhóm trung bình chiếm 57%, nghèo chiếm 25%, rất nghèo chiếm 12%, khá giả là 4% và nhóm giàu có 2%. Tổng dân số 62.691 người, gồm nhiều thành phần dân tộc như: Kinh, Thái, Hoa, Mường, Nùng, Thổ, Khơ - mú... Trong đó dân số dân tộc thiểu số chiếm 70%, dân số ở độ tuổi trẻ từ 11- 30 chiếm 53% dân số toàn huyện Con Cuông. Qua số liệu trên cho thấy rằng nhóm tuổi từ 11- 30 tuổi, chiếm một lực lượng đông đảo trong dân số toàn huyện. Đây là một lực lượng trẻ hùng hậu, cần được bồi dưỡng đào tạo để có thể có đủ khả năng, góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc và miền núi.

### 3. Thuở trađg thì íchêêvaãcaá haãn vi nguy cú aãn hũúãg ài ì ù thì íchêê cuã nguồøn nhên lủã treãcaá dên tồã thì í sũũđhuyi ã Con Cuông

#### Thực trạng về thể chất

Một trong những chỉ tiêu quan trọng để đánh giá trình độ phát triển thể chất của nguồn nhân lực trẻ các dân tộc thiểu số là chiều cao, cân nặng. Tìm hiểu chỉ số về thể chất của nguồn nhân lực trẻ các dân tộc thiểu số, qua khảo sát 505 em ở độ tuổi từ 11-17 và 18-30 cho kết quả như sau:

Chiều cao trung bình nhóm tuổi 11-17 là 1,47 m đối với nam và 1,38 m đối với nữ. Cân nặng của nhóm tuổi này là 47,2 kg đối với nam và 41,8 kg đối với nữ.

Đối với nhóm 18-30 tuổi, chiều cao trung bình của nam là 1,60 m và nữ cao 1,45 m. Cân nặng trung bình của nam trong nhóm là 52,8 kg và của nữ là 43,6 kg.

So sánh với những kết quả khảo sát của Viện nghiên cứu Thanh niên cách đây 5 năm, cho thấy có sự thay đổi tích cực về thể chất. Trước đây chiều cao trung bình của nhóm 11-17 tuổi chỉ đạt 1,45 m đối với nam và 1,38 m đối với nữ; nhóm 18-30 tuổi là 1,58 m đối với nam và nữ 1,40 m. (Đặng Cảnh Khanh, 2006).

Một loại chỉ báo khác để đánh giá mức độ phát triển thể chất nguồn nhân lực trẻ là tình hình chăm sóc, bảo vệ sức khoẻ. Để có thể phân tích sâu hơn tình hình sức khoẻ của các nhóm thanh thiếu niên các dân tộc

**Bảng 1. Nguyên nhân gây bệnh tật của hai nhóm tuổi (%)**

Nguyên nhân gây bệnh tật	Nhóm tuổi 11- 17	Nhóm tuổi 18- 30
Điều kiện tự nhiên khắc nghiệt	26,3	34,2
Vệ sinh môi trường kém	56,6	55,1
Ăn uống không đủ chất	55,8	58,9
Thiếu điều kiện cơ sở y tế, thuốc men, y bác sỹ	63,3	56,1
Phong tục tập quán lạc hậu	36,2	34,2
Thiếu hiểu biết về phòng chống bệnh tật	69,5	56,8
Thiếu điều kiện về rèn luyện thể dục thể thao	33,8	39,9

miền núi, cuộc điều tra đã đặt câu hỏi “*Trong 6 tháng qua anh (chị) có mắc một thứ bệnh nào không?*”. Kết quả cho thấy trong nhóm tuổi 11 - 17 có mắc bệnh 42,0% và trong nhóm 18 - 30 tuổi có mắc bệnh 34%. Tìm hiểu những nguyên nhân gây bệnh cho thấy các nguyên nhân gây ốm đau, bệnh tật nhiều nhất trong nhóm thanh thiếu niên DTTS vẫn là thiếu hiểu biết về phòng chống bệnh tật chiếm 69,5%, thiếu cơ sở y tế, thuốc men là 63,3%, vệ sinh môi trường kém là 56,6%, ăn uống không đủ chất chiếm 55,8% đối với nhóm 11 - 17 tuổi. Ở nhóm 18 - 30 tuổi, nguyên nhân lớn nhất vẫn là do ăn uống không đủ chất 58,9% (Bảng 1).

### **Những hành vi có nguy cơ gây tổn hại sự phát triển thể chất**

Để làm rõ hơn về tình hình sức khỏe của thanh thiếu niên dân tộc thiểu số, cần phân tích những hành vi có nguy cơ cao như hút thuốc lá và uống rượu gây tổn hại sức khỏe cho nguồn nhân lực trẻ. Qua đây có thể phát hiện ra một số đặc thù trong cách chăm sóc, bảo vệ sức khỏe của đồng bào DTTS và gợi mở những suy nghĩ về giải pháp phát triển thể chất của nguồn nhân lực trẻ các dân tộc thiểu số.

*Hành vi hút thuốc:* Số liệu điều tra ở nhóm hai nhóm cho thấy tỷ lệ hút thuốc ở nhóm 18 - 30 tương đối cao và mức độ tăng dần so với lứa tuổi 11 - 17. Nếu ở nhóm 11 - 17 tuổi tỷ lệ hút thuốc lá thường xuyên, đôi khi chỉ là 0,6% và 4% thì ở nhóm tuổi 18 - 30 mức độ sử dụng thường xuyên và ở mức đôi khi lên đến 6,8 và 12,9% (Bảng 2).

Trong tổng số 6,8% thanh niên ở nhóm tuổi 18 - 30 thường xuyên hút thuốc thì nhóm thanh thiếu niên dân tộc Thái lên tới 12,6%, cao hơn so với các nhóm dân tộc khác.

**Bảng 2. Tỷ lệ hút thuốc lá ở hai nhóm tuổi (%)**

Hành vi hút thuốc	Nhóm tuổi 11- 17	Nhóm tuổi 18- 30
Chưa bao giờ	72	63,5
Đã thử	23	16,8
Đôi khi	4	12,9
Thường xuyên	0,6	6,8

*Hành vi uống rượu:* Thanh thiếu niên từ 11-17 tuổi thường xuyên uống rượu chiếm tỷ lệ thấp 0,7%, nhưng số em đã thử uống rượu chiếm tỷ lệ khá cao trên 26,2%. Có tới 20,6% số em được hỏi trả lời là đôi khi có uống. Ở nhóm này, tỷ lệ uống rượu cao hơn hút thuốc.

Ở mức độ thường xuyên, đôi khi uống rượu của nhóm tuổi 18-30 cao hơn hẳn nhóm 11-17 tuổi. Nếu nhóm 11-17 tuổi tỷ lệ uống rượu ở mức thường xuyên, đôi khi chỉ chiếm 0,7% và 20,6% thì nhóm 18-30 là 4,4% và 42,2%.

Về tác hại của các chất kích thích như thuốc lá, rượu đối với sức khỏe của con người đã được các nhà khoa học làm rõ. Việc một bộ phận thanh thiếu niên các dân tộc thiểu số hút thuốc và uống rượu như trình bày ở trên cho thấy sự cần thiết phải có biện pháp giáo dục, tuyên truyền và vận động nhằm hạn chế hút thuốc và uống rượu trong thanh thiếu niên. Đây là một việc rất khó vì liên quan tới phong tục, tập quán dân tộc và thói quen dễ bắt chước ở lứa tuổi thanh thiếu niên. Điều này đòi hỏi gia đình và các nhà quản lý cần có sự quan tâm đầy đủ, có các giải pháp đúng đắn, kịp thời để giảm bớt tỷ lệ thanh thiếu niên sử dụng các chất kích thích nhằm nâng cao không ngừng thể chất, giúp họ có tinh thần trong sáng, khỏe mạnh sẵn sàng phục vụ nhân dân và tổ quốc.

#### 4. Thừa thừa phát triển trí tuệ

##### Trình độ học vấn

Chỉ báo cơ bản nhất của trình độ phát triển trí tuệ là trình độ học vấn của cá nhân. Chỉ báo này được đo bằng tỷ lệ đi học và tỷ lệ không đi học của từng nhóm tuổi. Kết quả khảo sát ở trường dân tộc nội trú Mường Quạ, Thị Trấn, Yên Sơn, Môn Sơn, Lục Dạ cho thấy tình hình học tập của các em như sau: Tỷ lệ đang đi học ở lứa tuổi 11-17 là 70%, đã thôi học là

**Bảng 3. Kết quả học tập ở hai nhóm tuổi (%)**

<b>Kết quả học tập</b>	<b>Nhóm 11- 17 tuổi (%)</b>	<b>Nhóm 18- 30 (%)</b>
Giỏi	10	8
Khá	26	24
Trung bình	60	62
Yếu kém	4	6

29%, ở nhóm 18-30 đang đi học chiếm 30% (bao gồm cả học nghề).

Chỉ báo cơ bản thứ hai là kết quả học tập được đo bằng mức học lực của học sinh là: giỏi, khá, trung bình, yếu kém. Bảng 3 cho thấy tỉ lệ học sinh học giỏi còn khá khiêm tốn trong khi tỷ lệ học sinh có học lực trung bình chiếm tới hơn 60%.

#### **Một số khó khăn trong phát triển trí tuệ nguồn nhân lực**

Phân tích những khó khăn trong học tập của thanh thiếu niên các DTTS chúng tôi nhận thấy những lý do đặc trưng cho khu vực miền núi như trường xa nơi ở, thiếu tiền đóng học, thiếu sách vở và đồ dùng học tập hay điều kiện trường lớp không tốt... lại được các em lựa chọn với tỷ lệ không cao (với tỷ lệ trung bình là 17,5%). Nhưng lý do “Khả năng tiếp thu chưa tốt” được lựa chọn cao hơn cả chiếm 57,2%. Điều này chứng tỏ những khó khăn trong học tập xuất phát từ cá nhân nhiều hơn đối với học sinh DTTS so với các lý do khác. Đây là một điểm rất đáng lưu ý đối với những người làm công tác giáo dục miền núi. Vậy “khả năng tiếp thu chưa tốt” của học sinh có phải một phần là do đặc điểm tổ chất tâm sinh lý lứa tuổi hay một phần lớn là do các điều kiện khách quan bên ngoài như lối sống, thời gian tác động tới hay không cần được tiếp tục nghiên cứu. Bởi trên thực tế, trong những năm gần đây với sự nỗ lực của các cấp chính quyền địa phương, nhất là của ngành giáo dục vấn đề về cơ sở vật chất, điều kiện trường lớp ở vùng miền núi và vùng DTTS đã có những cải thiện đáng kể. Số liệu điều tra ở trên cho thấy dường như những khó khăn trong học tập đang có xu hướng xuất phát từ nỗ lực chủ quan của chính bản thân thanh thiếu niên DTTS nhiều hơn, đó chính là khả năng và trình độ tiếp thu chương trình của học sinh DTTS. Phải chăng, đã đến lúc bên cạnh sự tăng cường về cơ sở vật chất cho học tập và đào tạo ở miền núi, cũng cần phải chú ý tới những đặc trưng về tâm lý và trình độ nhận thức của học sinh

vùng miền núi trong cả nội dung lẫn phương pháp giảng dạy để nâng cao hơn nữa hiệu quả của việc học tập và tiếp thu bài của các em.

### **Trình độ nghề nghiệp và định hướng phát triển chuyên môn, nghề nghiệp**

Đào tạo nghề cho thanh thiếu niên DTTS là một trong những vấn đề hết sức quan trọng không chỉ nhằm cho mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội cho chính vùng này mà còn là phương thức để phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực trẻ. Bởi vậy, trong các chiến lược phát triển nguồn nhân lực, công tác đào tạo, sử dụng và nâng cao nghề nghiệp cho lao động trẻ bao giờ cũng được quan tâm hàng đầu (Lê Ngọc Thắng, 2000).

Trên thực tế việc phổ cập các kiến thức chung là hết sức cần thiết để phát triển toàn diện nguồn nhân lực cho khu vực đồng bào các dân tộc thiểu số, nhưng việc đào tạo nghề, phát triển khả năng nắm bắt chuyên môn, đào tạo gắn liền với nhu cầu cụ thể của thực tiễn cũng là yếu tố quan trọng không kém.

Khảo sát định lượng về những vấn đề có liên quan đến việc học và đào tạo nghề của thanh thiếu niên DTTS cho thấy có tới 89,1% ở nhóm 11 - 17 tuổi trả lời muốn được học nghề và ở nhóm tuổi 18-30 là 85,9%. So sánh sự tương quan giữa hai nhóm tuổi về vấn đề học nghề cho thấy, nhóm tuổi 11- 17 tỷ lệ mong muốn được học nghề cao hơn nhóm tuổi 18-30. Khi phân tích định hướng nghề nghiệp của thanh thiếu niên miền núi cho thấy, hầu hết các ngành nghề đều được lựa chọn, nhưng với tỷ lệ không cao. Chỉ có ba nhóm nghề được thanh thiếu niên DTTS lựa chọn cao hơn đó là nghề dạy học (chiếm 34%), cán bộ hành chính văn phòng (chiếm 13,2%), nghề y là 15,2%. Những nghề này theo nhận định chủ quan của đối tượng nghiên cứu là những nghề có uy tín cao. Các nhóm nghề sản xuất và kinh doanh như nghề cơ khí, nghề lái xe, dịch vụ, nghề điện ít được thanh niên DTTS lựa chọn (với tỷ lệ trung bình 3,65%).

Về tình hình đào tạo, có tới gần một nửa số thanh niên ở lứa tuổi trên 18 (chiếm 44,8%) nói rằng họ ít nhiều đã được đào tạo nghề. Tuy nhiên, những nghề nghiệp được đào tạo không sâu mà chủ yếu là dừng ở mức đào tạo đơn giản nhằm giúp học sinh làm quen với nghề nghiệp. Nghề được đào tạo nhiều nhất là lâm nghiệp (chiếm tỷ lệ 32,1%) tiếp đến giáo viên (23,1%), hành chính văn phòng (14,7%), các nghề khác như dịch vụ, thủ công chiếm tỷ lệ rất thấp. Trong khi lâm nghiệp là ngành được đào tạo nhiều nhất nhưng tỷ lệ thanh thiếu niên DTTS mong muốn đi theo nghề này lại chiếm tỷ lệ rất thấp.

Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy thời gian mong muốn được đào tạo nghề trên hai năm (đối với cả hai nhóm tuổi 11-17 và 18-30) chiếm tỷ lệ cao nhất, có nghĩa là thanh thiếu niên mong muốn được đào tạo tương đối bài bản. Khi so sánh giữa các nhóm thanh thiếu niên thuộc các DTTS khác nhau, cho thấy tỷ lệ thanh thiếu niên dân tộc Thái muốn được đào tạo một cách chính quy (trên 2 năm) nhiều hơn, còn thanh thiếu niên thuộc các dân tộc khác lại muốn thời gian học ngắn hơn để có nghề đi làm. Điều này có thể lý giải xuất là do thanh thiếu niên ở các dân tộc khác thường cư trú ở những vùng sâu hơn, việc đi lại khó khăn, tỷ lệ thất nghiệp cao cho nên các em có nhu cầu phải đi làm sớm để kiếm sống.

Về nguyện vọng được đi học nghề và nhu cầu đào tạo nghề cho thanh thiếu niên các dân tộc thiểu số, một cán bộ quản lý ở trung tâm giáo dục thường xuyên của huyện cho rằng nhu cầu đào tạo của thanh niên DTTS là rất lớn nhưng thực tế của công tác hướng nghiệp và đào tạo nghề phù hợp với điều kiện vùng miền núi còn hạn chế: “... *khi gần gũi với bà con, chúng tôi nhận thấy nguyện vọng của mọi gia đình không phải chỉ là đào tạo văn hóa mà còn là đào tạo nghề cho con em mình, nhất là con em ở lứa tuổi 18-30. Việc đào tạo nghề dù bằng hình thức nào cũng phải được hướng nghiệp, được chuyển giao công nghệ đào tạo về khoa học kỹ thuật để phục vụ thiết thực cho việc phát triển các mô hình kinh tế, lao động ở cấp xã, bản, phù hợp với điều kiện tự nhiên của vùng núi. Điều này, theo tôi chúng ta vẫn còn nhiều hạn chế*” (Nam 47 tuổi, Trung tâm giáo dục thường xuyên huyện Con Cuông).

#### 4. Kết luận

Từ kết quả khảo sát về thực trạng nguồn nhân lực trẻ các dân tộc thiểu số nêu trên có thể rút ra một số kết luận sau đây:

Thứ nhất, trình độ phát triển thể chất của thanh thiếu niên các dân tộc thiểu số ở Nghệ An nói chung và huyện Con Cuông nói riêng đã được cải thiện trong những năm qua. Tuy nhiên vẫn còn có một số vấn đề cần đặc biệt quan tâm để có thể phát triển chiều cao và cân nặng, nhất là hạn chế các hành vi có nguy cơ cao như hút thuốc và uống rượu để nâng cao tình trạng thể chất, tình trạng sức khỏe cho nguồn nhân lực trẻ.

Thứ hai, tỷ lệ đi học của thanh thiếu niên các dân tộc thiểu số đã được nâng cao. Nhưng tỷ lệ bỏ học, không tiếp tục học hết trung học phổ thông và không học tiếp cao đẳng, đại học hoặc học nghề tăng theo lứa tuổi. Tỷ lệ thanh thiếu niên được đào tạo về nghề nghiệp còn thấp, với mức độ đơn giản và với cơ cấu nghề nghiệp nặng về hành chính - sự nghiệp như giáo



viên, nhân viên văn phòng. Tuy nhiên, thanh thiếu niên DTTS có xu hướng sẵn sàng học nghề để có việc làm ổn định với chất lượng cao hơn là một điểm quan trọng để có thể phát triển nguồn nhân lực trẻ các dân tộc thiểu số trong thời gian hiện nay. Từ kết quả nghiên cứu trên cho thấy, việc phát triển nguồn nhân lực trẻ cần gắn liền với những định hướng phát triển kinh tế - xã hội với sự phát triển của thị trường lao động. Việc đầu tư xây dựng các cơ sở kinh tế ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số sẽ tạo nên các yếu tố thị trường kích thích sự phát triển nguồn nhân lực trẻ ở địa phương. Phát triển nguồn nhân lực trẻ các dân tộc thiểu số phải gắn với những đặc điểm văn hóa - xã hội của vùng dân tộc. Việc nâng cao trình độ phát triển thể chất và trí tuệ cho thanh thiếu niên DTTS cần theo hướng “khỏe và có trình độ để phát triển bản thân, gia đình và xã hội”. Cần phải có chính sách ưu tiên miễn giảm chi phí khám và chữa bệnh đối với thanh niên những vùng có nhiều khó khăn, vùng dân tộc thiểu số. Việc giáo dục tuyên truyền nhằm hạn chế hành vi có nguy cơ cao và thực hiện những hành vi đảm bảo vệ sinh, tăng cường sức khỏe như thể dục thể thao, ăn sạch, uống sạch, chế độ lao động, học tập, sinh hoạt điều độ là điều cần thiết. Về phát triển trí tuệ không chỉ ở việc nâng cao tỷ lệ đi học cho tất cả các lứa tuổi mà cần sự đào tạo chuyên môn, tay nghề phù hợp để thanh thiếu niên các dân tộc thiểu số có điều kiện học tập và có cơ hội được cống hiến khả năng của mình vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương và đất nước. ■

#### Tài liệu tham khảo

- Đặng Cảnh Khanh. 2006. *Nguồn nhân lực trẻ các dân tộc thiểu số - Những phân tích Xã hội học*. Nxb Thanh niên, Hà Nội.
- Đặng Thị Minh Lý. 2005. Điều tra thực trạng phát triển nguồn nhân lực trẻ các dân tộc thiểu số huyện Con Cuông, Nghệ An. Luận văn thạc sĩ, tháng 11, 2005.
- Lê Ngọc Thắng. 2000. *Những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả cơ chế phối hợp trong việc thực hiện các chương trình, chính sách về nguồn nhân lực trẻ các dân tộc thiểu số*. Viện Dân tộc. Hà Nội.
- Nguyễn Hữu Dũng. 2003. *Sử dụng hiệu quả nguồn lực con người ở Việt Nam*. Nxb Lao động xã hội. Hà Nội.
- Ủy ban nhân dân huyện Con Cuông. 2005. Báo cáo phương hướng, mục tiêu nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh nhiệm kỳ 2005 - 2010 của Đảng bộ huyện Con Cuông.
- Ủy ban nhân dân huyện Con Cuông. 2005. Báo cáo sự đánh giá chỉ đạo điều hành của Ủy ban nhân dân huyện Con Cuông nhiệm kỳ 1999 - 2004.